

# Bộ chỉ số HOSE-Index

Ngày cập nhật: 31/01/2020

**HOSE-Index** là bộ chỉ số vốn hóa có thể đầu tư được bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên Sở GDCK TP.HCM (HOSE) đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản. HOSE-Index chiếm hơn 90% giá trị giao dịch và hơn 80% giá trị vốn hóa của toàn thị trường chứng khoán niêm yết tại HOSE.

## Cấu trúc Bộ chỉ số HOSE-Index

**VNAllshare** là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

**VN30** là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

**VNMidcap** là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

**VN100** là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

**VNSmallcap** là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

**VNAllshare Sector Indices** bao gồm các chỉ số ngành với các cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllShare được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

## Đặc điểm chung

### Mục tiêu

Bộ chỉ số được thiết kế với mục đích tham chiếu cho thị trường và làm cơ sở xây dựng các sản phẩm dựa trên chỉ số như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ...

### Khả năng đầu tư

Bộ chỉ số được sàng lọc và tính toán dựa trên tỷ lệ tự do chuyển nhượng để đảm bảo khả năng đầu tư được.

### Thanh khoản

Các cổ phiếu thành phần được sàng lọc về thanh khoản để đảm bảo chỉ số có thể giao dịch được.

### Minh bạch

Bộ chỉ số sử dụng các quy tắc xây dựng và quản lý minh bạch. Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index được công bố trên trang chủ của HOSE.

### Tần suất tính toán

Bộ chỉ số được tính theo thời gian thực hoặc tại cuối ngày giao dịch.

### Xem xét định kỳ

Bản niên vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm

### Giới hạn tỷ trọng vốn hóa

10% (VNAllshare Sector không áp dụng)

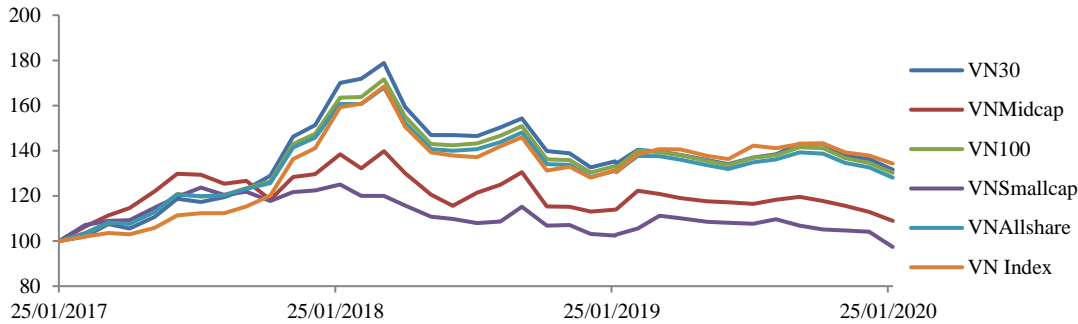
### Phương pháp tính chỉ số

Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float.

### Chuẩn phân ngành

Các cổ phiếu thành phần bộ chỉ số được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

## Tăng trưởng chỉ số từ 25/01/2017 đến 31/01/2020



\* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 25/01/2017

## Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2017	2018	2019	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	48.27%	-12.02%	3.32%	-3.43%	-7.72%	-5.08%	-1.87%	28.02%	44.36%	8.58%	7.62%
VN30	53.89%	-12.36%	2.82%	-3.46%	-8.03%	-3.91%	-2.01%	31.61%	39.91%	9.59%	6.95%
VNMidcap	32.38%	-12.78%	9.59%	-3.49%	-7.44%	-6.34%	-4.40%	9.00%	38.43%	2.91%	6.72%
VN100	50.21%	-11.68%	3.35%	-3.30%	-7.71%	-4.84%	-1.70%	30.21%	46.88%	9.20%	7.99%
VNSmallcap	22.54%	-15.81%	0.93%	-6.42%	-7.38%	-9.55%	-5.26%	-2.62%	6.57%	-0.88%	1.28%
VN-Index	46.46%	-9.32%	7.67%	-2.54%	-6.23%	-5.55%	2.85%	34.32%	62.41%	10.34%	10.19%

## Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	6.31%	7.45%	11.20%	25.96%	31.88%
VN30	7.30%	8.47%	12.12%	28.55%	35.25%
VNMidcap	5.19%	6.28%	9.80%	25.34%	30.76%
VN100	6.49%	7.67%	11.51%	26.79%	32.85%
VNSmallcap	4.42%	5.47%	7.90%	17.84%	24.43%
VN-Index	6.12%	7.51%	11.47%	27.11%	34.77%

## Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	97.40%	96.69%	97.11%	96.29%	95.17%
VN30	96.37%	94.73%	94.94%	95.83%	94.81%
VNMidcap	76.69%	71.84%	74.43%	78.47%	78.92%
VN100	97.42%	96.75%	97.09%	96.36%	95.24%
VNSmallcap	56.20%	49.43%	58.07%	68.81%	69.98%

## Đặc điểm chỉ số

	VNAllshare	VN30	VNMidcap	VN100	VNSmallcap
Số lượng cổ phiếu thành phần	240	30	70	100	140
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	2,916,012	2,554,728	281,482	2,836,210	79,803
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	959,094	779,310	140,992	920,302	38,792
Trung bình	3,996	25,977	2,014	9,203	277
Cao nhất	116,014	116,014	10,365	116,014	1,168
Thấp nhất	15	1,816	135	135	15
Trung vị	439	18,597	1,466	2,121	219
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	12.10%	14.89%	7.35%	12.61%	3.01%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	56.01%	68.93%	42.62%	58.37%	22.82%

### Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... . Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: [index@hscx.vn](mailto:index@hscx.vn)

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452

Website: [www.hscx.vn](http://www.hscx.vn)

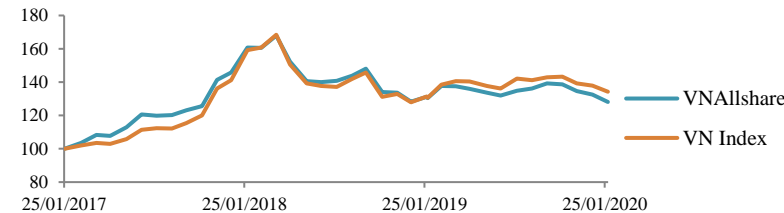


VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

## Đặc điểm chỉ số

	240
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	2,916,012
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	959,094
Trung bình	3,996
Cao nhất	116,014
Thấp nhất	15
Trung vị	439
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	12.10%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	56.01%

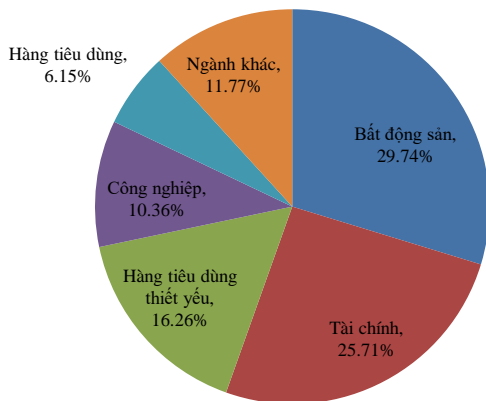
Tăng trưởng chỉ số từ 25/01/2017 đến 31/01/2020



## Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2017	2018	2019	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	48.27%	-12.02%	3.32%	-3.43%	-7.72%	-5.08%	-1.87%	28.02%	44.36%	8.58%	7.62%

## Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



## 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Bất động sản	35	285,190	29.74%
Tài chính	24	246,622	25.71%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	24	155,979	16.26%
Công nghiệp	65	99,358	10.36%
Hàng tiêu dùng	27	59,030	6.15%

## Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014  
 Giá trị cơ sở: 560.19  
 Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập  
 Tần suất tính:  
 - VNAllshare: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)  
 - VNAllshareTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)  
 Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%  
 Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.  
 Đơn vị tiền tệ: VND

## Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	6.31%	7.45%	11.20%	25.96%	31.88%

## Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	97.40%	96.69%	97.11%	96.29%	95.17%

## 10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VIC	Bất động sản	116,014	12.10%
2	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	94,470	9.85%
3	VHM	Bất động sản	73,271	7.64%
4	TCB	Tài chính	49,142	5.12%
5	HPG	Nguyên vật liệu	39,925	4.16%
6	VPB	Tài chính	37,822	3.94%
7	VJC	Công nghiệp	34,102	3.56%
8	MWG	Hàng tiêu dùng	31,886	3.32%
9	VRE	Bất động sản	31,491	3.28%
10	MBB	Tài chính	29,024	3.03%
Tổng cộng			537,147	56.01%

**Lưu ý:**  
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... . Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: [index@hsx.vn](mailto:index@hsx.vn)  
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

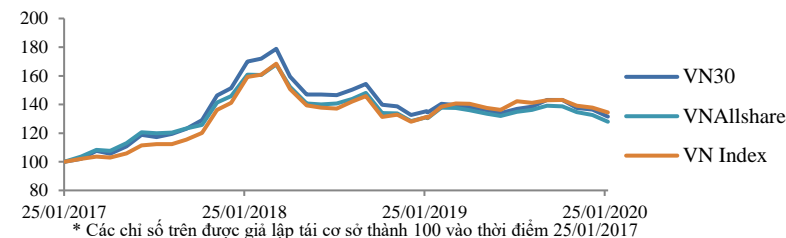


**VN30** là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAIshare.

## Đặc điểm chỉ số

	<b>30</b>
<b>Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)</b>	2,554,728
<b>Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)</b>	779,310
<b>Trung bình</b>	25,977
<b>Cao nhất</b>	116,014
<b>Thấp nhất</b>	1,816
<b>Trung vị</b>	18,597
<b>Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ</b>	14.89%
<b>Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ</b>	68.93%

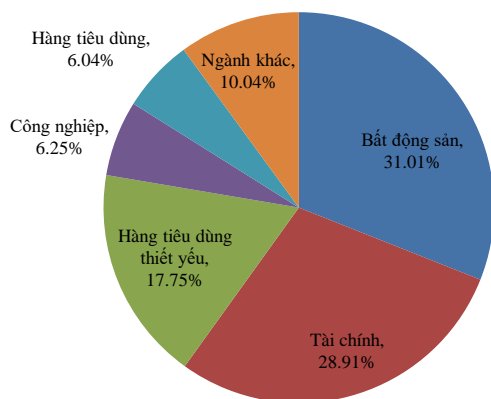
Tăng trưởng chỉ số từ 25/01/2017 đến 31/01/2020



## Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2017	2018	2019	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
<b>VN30</b>	53.89%	-12.36%	2.82%	-3.46%	-8.03%	-3.91%	-2.01%	31.61%	39.91%	9.59%	6.95%

## Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



## 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
<b>Bất động sản</b>	4	241,693	31.01%
<b>Tài chính</b>	11	225,284	28.91%
<b>Hàng tiêu dùng thiết yếu</b>	4	138,292	17.75%
<b>Công nghiệp</b>	5	48,734	6.25%
<b>Hàng tiêu dùng</b>	2	47,073	6.04%

## Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 02/01/2009  
 Giá trị cơ sở: 313.34  
**Hình thức tính:** Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập  
**Tần suất tính:**  
 - **VN30:** Theo thời gian thực (5 giây/ lần)  
 - **VN30TRI:** Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)  
**Giới hạn tỷ trọng vốn hóa:** 10%  
**Phương pháp tính:** Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.  
**Đơn vị tiền tệ:** VND

## Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
<b>VN30</b>	7.30%	8.47%	12.12%	28.55%	35.25%

## Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
<b>VN30</b>	96.37%	94.73%	94.94%	95.83%	94.81%

## 10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VIC	Bất động sản	116,014	14.89%
2	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	94,470	12.12%
3	VHM	Bất động sản	73,271	9.40%
4	TCB	Tài chính	49,142	6.31%
5	HPG	Nguyên vật liệu	39,925	5.12%
6	VPB	Tài chính	37,822	4.85%
7	VJC	Công nghiệp	34,102	4.38%
8	MWG	Hàng tiêu dùng	31,886	4.09%
9	VRE	Bất động sản	31,491	4.04%
10	MBB	Tài chính	29,024	3.72%
<b>Tổng cộng</b>			<b>537,147</b>	<b>68.93%</b>

**Lưu ý:**  
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAIshare" và "VNAIshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... . Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: [index@hsx.vn](mailto:index@hsx.vn)  
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

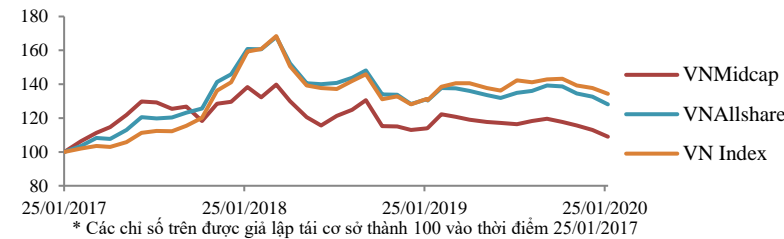


VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

## Đặc điểm chỉ số

	<b>70</b>
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	281,482
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	140,992
Trung bình	2,014
Cao nhất	10,365
Thấp nhất	135
Trung vị	1,466
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	7.35%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	42.62%

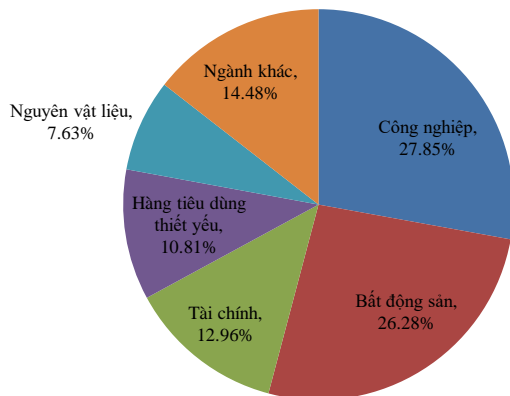
Tăng trưởng chỉ số từ 25/01/2017 đến 31/01/2020



## Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2017	2018	2019	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	32.38%	-12.78%	9.59%	-3.49%	-7.44%	-6.34%	-4.40%	9.00%	38.43%	2.91%	6.72%

## Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



## 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	15	39,270	27.85%
Bất động sản	14	37,046	26.28%
Tài chính	5	18,267	12.96%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	8	15,237	10.81%
Nguyên vật liệu	12	10,759	7.63%

## Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014  
 Giá trị cơ sở: 560.19  
 Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập  
 Tần suất tính:  
 - VNMidcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)  
 - VNMidcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)  
 Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%  
 Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.  
 Đơn vị tiền tệ: VND

## Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	5.19%	6.28%	9.80%	25.34%	30.76%

## Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	76.69%	71.84%	74.43%	78.47%	78.92%

## 10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	TPB	Tài chính	10,365	7.35%
2	KDH	Bất động sản	8,166	5.79%
3	GEX	Công nghiệp	8,010	5.68%
4	TCH	Công nghiệp	7,976	5.66%
5	CII	Công nghiệp	5,161	3.66%
6	KBC	Bất động sản	5,109	3.62%
7	DXG	Bất động sản	4,503	3.19%
8	HNG	Hàng tiêu dùng thiết yếu	3,741	2.65%
9	NLG	Bất động sản	3,639	2.58%
10	PDR	Bất động sản	3,414	2.42%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>60,085</b>	<b>42.62%</b>

**Lưu ý:**  
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... . Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: [index@hsx.vn](mailto:index@hsx.vn)  
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

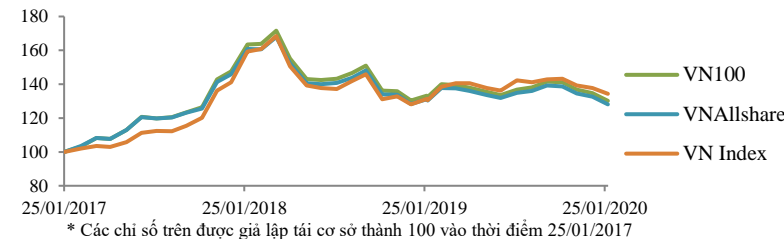


**VN100** là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

## Đặc điểm chỉ số

	<b>100</b>
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	2,836,210
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	920,302
Trung bình	9,203
Cao nhất	116,014
Thấp nhất	135
Trung vị	2,121
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	12.61%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	58.37%

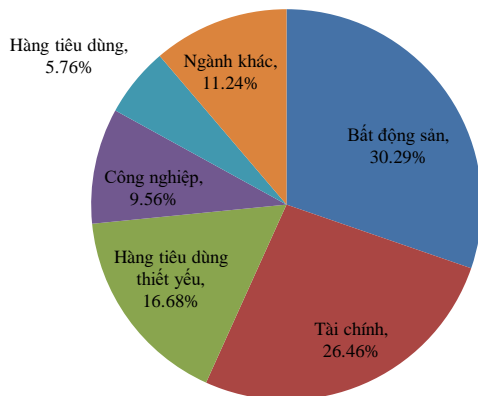
Tăng trưởng chỉ số từ 25/01/2017 đến 31/01/2020



## Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2017	2018	2019	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
<b>VN100</b>	50.21%	-11.68%	3.35%	-3.30%	-7.71%	-4.84%	-1.70%	30.21%	46.88%	9.20%	7.99%

## Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



## 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Bất động sản	18	278,739	30.29%
Tài chính	16	243,550	26.46%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	12	153,529	16.68%
Công nghiệp	20	88,004	9.56%
Hàng tiêu dùng	8	53,009	5.76%

## Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014  
 Giá trị cơ sở: 560.19  
**Hình thức tính:** Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập  
**Tần suất tính:**  
 - **VN100:** Theo thời gian thực (5 giây/ lần)  
 - **VN100TRI:** Cuối ngày giao dịch (1 ngày/ lần)  
**Giới hạn tỷ trọng vốn hóa:** 10%  
**Phương pháp tính:** Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.  
**Đơn vị tiền tệ:** VND

## Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
<b>VN100</b>	6.49%	7.67%	11.51%	26.79%	32.85%

## Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
<b>VN100</b>	97.42%	96.75%	97.09%	96.36%	95.24%

## 10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VIC	Bất động sản	116,014	12.61%
2	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	94,470	10.27%
3	VHM	Bất động sản	73,271	7.96%
4	TCB	Tài chính	49,142	5.34%
5	HPG	Nguyên vật liệu	39,925	4.34%
6	VPB	Tài chính	37,822	4.11%
7	VJC	Công nghiệp	34,102	3.71%
8	MWG	Hàng tiêu dùng	31,886	3.46%
9	VRE	Bất động sản	31,491	3.42%
10	MBB	Tài chính	29,024	3.15%
<b>Tổng cộng</b>			<b>537,147</b>	<b>58.37%</b>

**Lưu ý:**  
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... . Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: [index@hsx.vn](mailto:index@hsx.vn)  
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



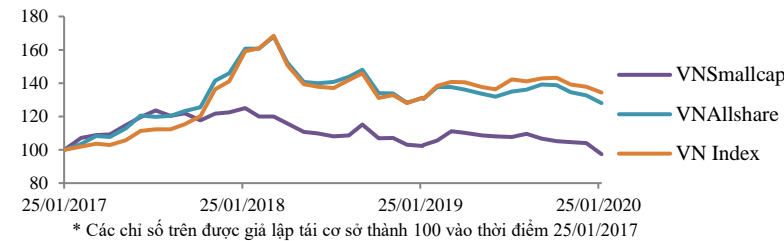


**VNSmallcap** là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

## Đặc điểm chỉ số

	<b>140</b>
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	79,803
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	38,792
Trung bình	277
Cao nhất	1,168
Thấp nhất	15
Trung vị	219
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	3.01%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	22.82%

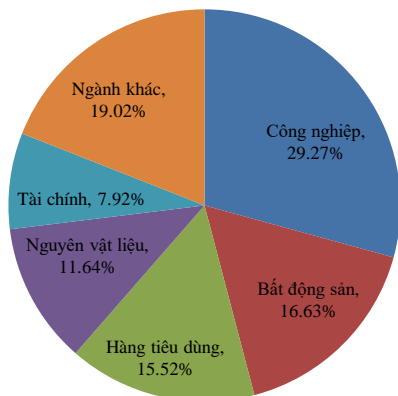
Tăng trưởng chỉ số từ 25/01/2017 đến 31/01/2020



## Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2017	2018	2019	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
<b>VNSmallcap</b>	22.54%	-15.81%	0.93%	-6.42%	-7.38%	-9.55%	-5.26%	-2.62%	6.57%	-0.88%	1.28%

## Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



## 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
<b>Công nghiệp</b>	45	11,354	29.27%
<b>Bất động sản</b>	17	6,452	16.63%
<b>Hàng tiêu dùng</b>	19	6,021	15.52%
<b>Nguyên vật liệu</b>	21	4,514	11.64%
<b>Tài chính</b>	8	3,071	7.92%

## Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014  
 Giá trị cơ sở: 560.19  
**Hình thức tính:** Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập  
**Tần suất tính:**  
 - **VNSmallcap:** Theo thời gian thực (5 giây/ lần)  
 - **VNSmallcapTRI:** Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)  
**Giới hạn tỷ trọng vốn hóa:** 10%  
**Phương pháp tính:** Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.  
**Đơn vị tiền tệ:** VND

## Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
<b>VNSmallcap</b>	4.42%	5.47%	7.90%	17.84%	24.43%

## Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
<b>VNSmallcap</b>	56.20%	49.43%	58.07%	68.81%	69.98%

## 10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	DHC	Nguyên vật liệu	1,168	3.01%
2	FIT	Tài chính	1,102	2.84%
3	HDC	Bất động sản	1,034	2.67%
4	TDM	Dịch vụ tiện ích	1,018	2.63%
5	VNG	Hàng tiêu dùng	910	2.35%
6	TDH	Bất động sản	836	2.16%
7	NTL	Bất động sản	721	1.86%
8	TCM	Hàng tiêu dùng	718	1.85%
9	DPG	Công nghiệp	691	1.78%
10	FTS	Tài chính	655	1.69%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>8,853</b>	<b>22.82%</b>

**Lưu ý:**  
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... . Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: [index@hsx.vn](mailto:index@hsx.vn)  
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



## Sơ lược Quy tắc bộ chỉ số HOSE-Index

### Tiêu chí sàng lọc:

#### 1. Tư cách:

- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE tối thiểu 6 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Cổ phiếu không thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch (ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện việc tách/gộp cổ phiếu hoặc chia tách/sáp nhập) trong vòng 03 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.

#### 2. Tỷ lệ tự do chuyển nhượng (Free-float):

Cổ phiếu phải có tỷ lệ free-float cao hơn 10%.

#### 3. Thanh khoản:

Cổ phiếu phải có tỷ suất quay vòng chứng khoán tối thiểu là 0.05%.

### Phương pháp chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số:

#### 1. VNAllshare:

Bao gồm tất cả các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí sàng lọc.

#### 2. VN30:

- **Tư cách tham gia vào VN30:** Thuộc tập hợp top 90% Giá trị giao dịch tích lũy của rổ VNAllshare và không thuộc diện bị cảnh báo.
- 20 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào VN30. 10 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 21 đến 40 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VN30 kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

#### 3. VNMidcap:

- Từ các cổ phiếu của VNAllshare không bao gồm 30 cổ phiếu của VN30, 40 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào rổ VNMidcap.
- 30 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 41 đến 80 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VNMidcap kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

#### 4. VN100:

Bao gồm các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 và VNMidcap.

#### 5. VNSmallcap:

Bao gồm các cổ phiếu còn lại của VNAllshare sau khi loại trừ các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN100.

## Chuẩn phân ngành GICS®

GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P kết hợp với MSCI xây dựng. Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được MSCI và S&P chịu trách nhiệm quản lý và công bố.

Các cổ phiếu niêm yết trên HOSE được MSCI và S&P trực tiếp phân ngành và thông tin phân ngành được cập nhật tại trang chủ của HOSE : [www.hsx.vn](http://www.hsx.vn).

Việc xem xét và cập nhật phân ngành cho các cổ phiếu thành phần của Bộ chỉ số ngành sẽ được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần vào cùng ngày chốt dữ liệu xem xét định kỳ chỉ số.

